TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đảm.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến
2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định *tham gia phiên toà:* Ông Trần Bình Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H2, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N1, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm: 1964 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H2, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.2. Anh Nguyễn Công H1, sinh năm: 1974 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N1, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/12/2017, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Giữa bà (Nguyễn Thị T) và chị Huỳnh Thị H có chơi tổng cộng 02 dây hụi do chị H cầm cái. Trong đó:

Dây hụi thứ nhất bắt đầu từ ngày 20/10/2015 (âm lịch) gồm có 27 chân hụi. Trong đó quy định hụi chết đóng 2.000.000đ/tháng, hụi sống nộp dao động từ 1.500.000đ đến 1.700.000đ tùy vào việc đấu hụi giữa những người tham gia dây hụi. Đến tháng 6/2017 (âm lịch) bà không đóng hụi do chị H không cầm cái nữa. Tính đến tháng 6/2017 (âm lịch) bà đã nộp tổng cộng là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng). Số tiền này đã bao gồm tiền lãi.

Dây hụi thứ hai bắt đầu từ ngày 16/01/2017 (âm lịch) gồm có 12 chân hụi. Trong đó quy định hụi chết là 2.000.000đ, hụi sống nộp dao động từ 1.500.000đ đến 1.700.000đ tùy vào việc đấu hụi giữa những người tham gia dây hụi. Đến tháng 6/2017 (âm lịch) bà không đóng hụi do chị H không cầm cái nữa. Tính đến tháng 6/2017 (âm lịch) bà đã nộp tổng cộng là 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này là tiền thực tế chị đóng hụi, không tính lãi.

Như vậy chị H nợ tiền hụi của bà trong 02 dây hụi trên là: 33.000.000đ + 8.250.000đ = 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bà yêu cầu vợ chồng chị H, anh H1 phải trả một lần số tiền hụi 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) còn nợ. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Theo Bản tự khai ngày 09/01/2018 và tại phiên tòa, bị đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Chị thống nhất về thời gian chơi hụi, số tiền hụi mà bà T đã đóng cho chị. Việc chị cầm cái hụi chồng chị (anh Nguyễn Công H1) có biết. Chị không đồng ý trả một lần mà xin trả dần tổng số tiền hụi 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) mà chị còn nợ bà T.

**Theo Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2018 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T. Việc vợ ông có chơi hụi với chị H thì ông có biết. Nay vợ ông yêu cầu chị H trả lại số tiền hụi mà vợ ông đã đóng ông yêu cầu tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Theo Biên bản ghi lời khai ngày 24/01/2018 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Công H1 trình bày:*

Anh là chồng của chị Huỳnh Thị H. Việc chị H có cầm cái hụi anh có biết. Nay bà T yêu cầu chị H trả lại số tiền hụi mà bà T đã đóng ông yêu cầu tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc chị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T một lần số tiền 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với chị Huỳnh Thị T ở số 99/9 N1, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng góp hụi:

Huê, hụi là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài

sản khác, thể thức góp, lĩnh huê và quyền, nghĩa vụ của các thành viên được quy định tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Bà Nguyễn Thị T và chị Huỳnh Thị H là những chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện tham gia vào hợp đồng góp hụi và phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 117 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự nên việc tham gia hợp đồng góp hụi giữa bà T và Chị H được pháp luật bảo vệ. Cũng tại Điều 31 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu thì theo yêu cầu của một hoặc các bên tham gia chơi huê hụi được giải quyết tại tòa án. Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp huê hụi với chị Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Công H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về số tiền góp hụi và phương thức thanh toán:

Trên cơ sở lời khai của đương sự và những chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định bà T có tham gia 02 (hai) dây hụi do chị H cầm cái. Dây hụi thứ nhất bắt đầu từ ngày 20/10/2015 (âm lịch) gồm có 27 chân hụi; dây hụi thứ hai bắt đầu từ ngày 16/01/2017 (âm lịch) gồm có 12 chân hụi. Cả hai dây hụi đều quy định hụi chết đóng 2.000.000đ/tháng, hụi sống nộp dao động từ 1.500.000đ đến 1.700.000đ tùy vào việc đấu hụi giữa những người tham gia dây hụi. Đến tháng 6/2017 (âm lịch) bà T không tiếp tục đóng tiền cả 02 dây hụi do chị H không cầm cái nữa. Tính đến tháng 6/2017 (âm lịch) bà T đã nộp tổng cộng là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) cho dây hụi thứ nhất và 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho dây hụi thứ hai. Tổng cộng chị H còn nợ: 33.000.000đ + 8.250.000đ = 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này là tiền thực tế chị đóng hụi, không tính lãi.

Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị H đã huy động tiền góp hụi của bà T nhưng khi đến hạn thanh toán thì nói mất khả năng chi trả. Bà T và chị H chỉ thống nhất về tổng số tiền hụi còn nợ là 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng không thống nhất được phương thức thanh toán. Việc bà T yêu cầu chị H trả một lần tổng số tiền hụi còn nợ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ chung của vợ chồng:

Ông Nguyễn Văn Đ1 là chồng của bà T, anh Nguyễn Công H1 là chồng của chị H. Việc bà T và chị H chơi hụi cả ông Đ1 và anh H1 đều biết và dùng tài sản chung của vợ chồng để tham gia vào việc góp hụi. Căn cứ theo quy định tại Điều 37 của

Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng bà T, ông Đ1 có quyền yêu cầu vợ chồng chị H, anh H1 cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, vợ chồng bà T, ông Đ1 có quyền yêu cầu vợ chồng chị H, anh H1 cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc chị H, anh H1 cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà T, ông Đ1. Việc yêu cầu xin trả dần của chị H không được bà T, ông Đ1 đồng ý nên không thỏa mãn yêu cầu của chị H nên buộc chị H, anh H1 có nghĩa vụ trả một lần số tiền 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[2.4] Về án phí:

Chị H, anh H1 phải chịu 5% trên số tiền phải trả cho bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117; khoản 1, 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Xác định vợ chồng chị Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Công H1 nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ1 tổng số tiền hụi là: 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ1 buộc chị Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Công H1 phải trả cho bà T, ông Đ1 tổng số tiền hụi là: 41.250.000đ (Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Bác yêu cầu của chị H về việc xin trả dần mỗi tháng 300.000đ số tiền hụi còn nợ đối với bà T, ông Đ1.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Công H1 phải chịu 2.062.500đ (Hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008518 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T và chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đ1 và anh H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Đảm